TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số 04/2020/DS-ST
Ngày 17/4/2020.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Đưng Knul và bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê K Đăm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 16/3/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 01/4/2020. Giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Cán bộ tín dụng – có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

2, Bị đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1981 và bà Lê Thị T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn A xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thụy trình bày như sau:

Ngày 13 tháng 09 năm 2017 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (No&PTNT) Việt Nam chi nhánh huyện B, Đắk Lắk và vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 5213LAV201702312, ông H, bà T vay số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 12/09/2018, mức lãi trong hạn 11,5%/năm, lãi qúa hạn 150% so với mức lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất số: BX 903367 diện tích: 186 m^2 trong đó: Đất ở tại nông thôn 60 m^2; Đất trồng cây lâu năm 126 m^2 tại thửa đất số 388, tờ bản đồ số 8, do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/09/2016; Địa chỉ

thửa đất Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk người sử dụng đất ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 54-2017/VP ngày 12/09/2017. Sau khi vay vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T không thực hiện đúng như hợp đồng mà đi khỏi địa phương. Số nợ hiện còn gồm tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 10/02/2020 là 165.560.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Trong đó: Tiền gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 35.240.000 đồng, tiền lãi quá hạn 10.320.000 đồng;

Nay đề nghị Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T trả toàn bộ khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Nếu vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, đề nghị Toà án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 54-2017/VP ngày 12/09/2017 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T vắng mặt, việc vắng mặt của vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 01/2019/QĐST-VDS ngày 26/7/2019 đối với ông H, bà T có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn vắng mặt do đó không ghi nhận được ý kiến của họ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Vì vậy, hôm nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 91, Điều 161 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 280, Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk.

Buộc vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk số tiền còn nợ

của Hợp đồng tín dụng (số 5213LAV201702312 ngày 13/9/2017) tính đến ngày 10/02/2020, tổng dư nợ gốc và lãi là: 165.560.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng); Trong đó nợ gốc: 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 35.240.000đ (ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi quá hạn: 10.320.000đ (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng);

Các đương sự phải chịu tiền án phí và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì: ".. *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*;"..;

Như vậy, việc vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đồng thời người khởi kiện cũng đã làm đầy đủ thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:*

2.1 Về giám định chữ ký và chữ viết của bị đơn: Qua kết quả giám định chữ ký, chữ viết trên hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, giấy nhận nợ của vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T do Ngân hàng cung cấp và Tòa án thu thập, cơ quan chức năng đã kết luận là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả Giám định chữ ký và chữ viết. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T ký kết hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản cho Ngân hàng (No&PTNT) Việt Nam chi nhánh huyện B, Đắk Lắk để vay tiền theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở.

2.2. Về Hợp đồng tín dụng**:**

Hợp đồng tín dụng số 5213LAV201702312 ngày 13/9/2017 được ký giữa Ngân hàng (No&PTNT) Việt Nam chi nhánh huyện B, Đắk Lắk và vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay là vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T đã nhận toàn bộ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không trả nợ gốc và lãi) theo kỳ mà bỏ đi khỏi nơi cư trú.

Vì vậy phía nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T thanh toán toàn bộ nợ tính đến ngày 10/02/2020 là: Nợ gốc 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng); Nợ lãi trong hạn 35.240.000đ (ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), Nợ lãi quá hạn: 10.320.000đ (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); Tổng cộng các khoản nợ là 165.560.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ gốc và mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận, buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T phải trả số nợ gốc, lãi và quá hạn cho nguyên đơn.

2.3. Về hợp đồng thế chấp tài sản**:**

Hai bên thỏa thuận sử dụng tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng 5213LAV201702312 ngày 13/9/2017 là Quyền sử dụng đất số: BX 903367 diện tích: 186 m^2 trong đó: Đất ở tại nông thôn 60 m^2; Đất trồng cây lâu năm 126 m^2 thửa đất số 388, tờ bản đồ số 8, do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 07/09/2016; Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đăk Lăk, cho người sử dụng đất ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 54-2017/VP ngày 12/09/2017 được UBND xã T, huyện B chứng thực ngày 12/9/2017 giữa Ngân hàng (No&PTNT) Việt Nam chi nhánh huyện B, Đắk Lắk và vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký; trong đó có điều khoản: Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên thế chấp. Như vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là đúng pháp luật, được chấp nhận.

Qua xem xét tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên thì các tài sản thế chấp không có bất kỳ sự thay đổi về hiện trạng nhà đất và cũng không có sự chuyển dịch quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trên đất.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T phải chịu 8.278.000đ (tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 4.139.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000572 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về chi phí giám định: Vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 5.790.000đ (năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 91, Điều 161 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 280, Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk.

1, Buộc vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng (số 5213LAV201702312 ngày 13/9/2017) tính đến ngày 10/02/2020, tổng dư nợ gốc và lãi là: 165.560.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng); Trong đó nợ gốc: 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 35.240.000đ (ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi quá hạn: 10.320.000đ (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng);

2, Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất số: BX 903367 diện tích: 186 m^2 trong đó: Đất ở tại nông thôn 60 m^2; Đất trồng cây lâu năm 126 m^2 thửa đất số 388, tờ bản đồ số 8, do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày: 07/09/2016; Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đăk Lăk, cho người sử dụng đất ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (tính tiếp theo sau ngày 10/02/2020) theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5213LAV201702312 ngày 13/9/2017.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành

án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3, Về án phí: Vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T phải chịu 8.278.000đ án phí dân sự sơ thẩm., trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk lắk số tiền 4.139.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000572 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4, Về chi phí giám định: Vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, tỉnh Đắk lắk số tiền 5.790.000đ tiền chi phí giám định.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ Nơi nhận:
- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn